

**NHU CẦU KINH PHÍ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG VEN BIỂN NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2021-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Mức đầu tư	Tổng cộng	Giai đoạn 2021-2025					Giai đoạn 2026-2030
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	<b>Tổng (I+II+III):</b>		<b>10.425.604</b>	<b>2.010.885</b>	<b>2.499.288</b>	<b>1.589.926</b>	<b>365.985</b>	<b>366.285</b>	<b>3.593.235</b>
<b>1</b>	<b>Khoán bảo vệ rừng trồng phòng hộ ven biển</b>		<b>2.390.586</b>	<b>226.893</b>	<b>228.183</b>	<b>237.945</b>	<b>238.395</b>	<b>238.695</b>	<b>1.220.475</b>
<b>2</b>	<b>Bảo vệ rừng trồng phòng hộ ven biển</b>		<b>1.235.130</b>	<b>109.500</b>	<b>113.100</b>	<b>119.400</b>	<b>127.590</b>	<b>127.590</b>	<b>637.950</b>
<b>3</b>	<b>Trồng rừng phòng hộ ven biển</b>		<b>2.554.175</b>	<b>1.216.925</b>					<b>1.337.250</b>
<b>4</b>	<b>Chăm sóc rừng ven biển</b>		<b>4.245.713</b>	<b>457.567</b>	<b>2.158.005</b>	<b>1.232.581</b>			<b>397.560</b>
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững)</b>		<b>4.351.656</b>	<b>448.459</b>	<b>361.635</b>	<b>233.468</b>	<b>217.812</b>	<b>218.112</b>	<b>2.872.170</b>
<b>1</b>	<b>Khoán bảo vệ rừng trồng phòng hộ ven biển</b>	<b>0.3</b>	<b>2.210.196</b>	<b>209.550</b>	<b>209.550</b>	<b>217.812</b>	<b>217.812</b>	<b>218.112</b>	<b>1.137.360</b>
a	BQL rừng phòng hộ Hoài Nhơn	0.3	256.350	23.655	23.655	23.655	23.655	23.655	138.075
b	BQL rừng phòng hộ Phù Mỹ	0.3	1.712.346	162.165	162.165	170.127	170.127	170.127	877.635
c	BQL rừng phòng hộ Phù Cát	0.3	241.500	23.730	23.730	24.030	24.030	24.330	121.650
<b>2</b>	<b>Trồng rừng phòng hộ ven biển</b>		<b>1.337.250</b>						<b>1.337.250</b>
a	BQL rừng phòng hộ Phù Mỹ ( rừng Phi lao)		1.337.250						1.337.250
<b>3</b>	<b>Chăm sóc rừng ven biển</b>		<b>804.210</b>	<b>238.909</b>	<b>152.085</b>	<b>15.656</b>			<b>397.560</b>
a	BQL rừng phòng hộ Phù Mỹ ( rừng Phi lao)		604.689	122.523	84.606				397.560
b	Trung tâm Khuyến nông (chăm sóc rừng ngập mặn)		199.521	116.386	67.479	15.656			
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>		<b>180.390</b>	<b>17.343</b>	<b>18.633</b>	<b>20.133</b>	<b>20.583</b>	<b>20.583</b>	<b>83.115</b>
<b>1</b>	<b>Khoán bảo vệ rừng trồng phòng hộ ven biển</b>		<b>180.390</b>	<b>17.343</b>	<b>18.633</b>	<b>20.133</b>	<b>20.583</b>	<b>20.583</b>	<b>83.115</b>
a	BQL rừng phòng hộ Hoài Nhơn	0.3	19.800	3.960	3.960	3.960	3.960	3.960	
b	Trung tâm Khuyến nông	0.3	160.590	13.383	14.673	16.173	16.623	16.623	83.115
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn khác (vốn XHH từ các tổ chức, doanh nghiệp )</b>		<b>5.893.558</b>	<b>1.545.083</b>	<b>2.119.020</b>	<b>1.336.325</b>	<b>127.590</b>	<b>127.590</b>	<b>637.950</b>
<b>1</b>	<b>Bảo vệ rừng trồng phòng hộ ven biển</b>	<b>0.3</b>	<b>1.235.130</b>	<b>109.500</b>	<b>113.100</b>	<b>119.400</b>	<b>127.590</b>	<b>127.590</b>	<b>637.950</b>
<b>2</b>	<b>Trồng rừng Phi lao phục hồi sau khai thác Titan</b>	<b>44.576</b>	<b>1.216.925</b>	<b>1.216.925</b>					

3	Chăm sóc rừng ven biển	6.626	3.441.503	218.658	2.005.920	1.216.925			
---	------------------------	-------	-----------	---------	-----------	-----------	--	--	--